

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-PT

Ngày 05&07/4/2022

“V/v: Ly hôn và tranh chấp tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tiến Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Lập

Bà Bùi Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký tòa Lao động.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đức Phương- Kiểm sát viên.

Các ngày 05 và 07 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLPT- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp tài sản chung”. Do Bản án sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2021/QĐPT- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2021/QĐ- TA ngày 20/12/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 20/2022/TB-TA ngày 14/3/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Thế V, sinh năm 1955; nơi đăng ký hộ khẩu: Số 784 phố Đ, phường G, quận A, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Số nhà 5 ngõ 1194/73/6 Phố L, phường LT, quận C, thành phố Hà Nội, có mặt.

Bị đơn kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu: Số 784 phố Đ, phường G, quận A, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Số 66 ngõ T, phường K, quận C, thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Cụ Nguyễn Thị HA, sinh năm 1932; trú tại: Số 66 ngõ T, phường K, quận C, TP. Hà Nội, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Quốc Hưng, sinh năm 1968; trú tại: Số 66 ngõ T, phường K, quận C, TP. Hà Nội, kháng cáo có đơn xin xử án vắng mặt.

3. UBND phường Y, quận H, Hà Nội, vắng mặt.

4. Ban quản lý dự án Thăng Long.

Trụ sở: 23 phố L, phường Y, quận H, Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Thế V trình bày: Ông và bà H tự nguyện xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn ngày 15/6/1995 tại UBND phường T, quận A. Ông kết hôn lần 2 còn bà H kết hôn lần đầu; quá trình chung sống mâu thuẫn trầm trọng nên ông V xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là Lê Đức Bình, sinh ngày 16/1/1995 và Lê Đức Anh, sinh ngày 5/11/1997; nay cả 02 con đã trưởng thành.

Về tài sản của hai vợ chồng gồm có:

- Căn nhà 784 Phố Đ diện tích mặt bằng 40m² do ông mua từ năm 1993 trước khi kết hôn với bà H. Năm 1996, ông và bà H phá nhà cấp 4 xây 3 tầng 1 tum.

- 03 ô đất số 15+16+ 22 tại Q, xã V, huyện Tr, Hà Nội do vợ chồng ông mua của các xã viên HTX Q từ 02/1/1995 diện tích 450m².

Căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 75m² tại 182 K, quận TX, Hà Nội do vợ chồng ông mua từ năm 1999 của vợ chồng ông Tú, bà Yến (Khi mua có mua chung với vợ chồng anh Nguyễn Viết Hồng) em họ bà H mỗi bên 1/2 tiền = 1/2 diện tích).

- 90m² đất giãn dân tại thôn ST, xã Y, huyện Tr, Hà Nội do vợ chồng ông mua của anh Đặng Thái Học từ năm 1996. Bà H đứng ra giao dịch và trả tiền cho anh Học. Sau đó bà H đã nhờ người xây nhà cấp 4 trên đó để giữ đất và cho thuê, nhưng không cho ông biết việc xây nhà.

Và các động sản khác.

Nay ly hôn ông yêu cầu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng (trừ diện tích 40m² đất tại 784 Phố Đ) chia đôi cho vợ chồng theo quy định của pháp luật. Căn nhà 784 Phố Đ phải trả lại cho ông để ông và cả con trai riêng đã trưởng thành có chỗ ở vì là tài sản riêng của ông. Còn giá trị xây dựng nhà là tiền của riêng ông do cha mẹ để lại, đề nghị Tòa xem xét.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Đúng như ông V trình bày về phần đăng ký kết hôn. Bà kết hôn lần đầu còn ông V kết hôn lần thứ 2. Sau khi bà kết hôn với ông V, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến nay Tòa án đã giải quyết ly hôn xong.

Bà và ông V có 2 con chung đúng như ông V trình bày, đến nay cả 2 con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Đúng như ông V kê khai phần động sản, bà cũng xin được tự giải quyết không yêu cầu Tòa án chia.

Về nhà ở: Căn nhà 784 Đường Phố Đ ông V mua từ trước khi cưới bà. Năm 1996, vợ chồng ông bà bỏ ra 300.000.000 đồng để xây lại thành nhà 3 tầng 1 tum như hiện nay.

Còn mấy mảnh đất mà ông V trình bày hoàn toàn không phải là tài sản chung của vợ chồng bà, đó là tiền của bố mẹ đẻ bà nhờ bà đứng tên mua hộ nên bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cụ Nguyễn Thị HA trình bày: Ngày 02/1/1995, bà có mua 2 mảnh đất tại thôn Q, xã V, huyện Tr, Hà Nội. Ô số 15 diện tích 243m² số tiền là 57.500.000 đồng, ô số 22 diện tích 265m² số tiền 61.250.000 đồng, cả 2 ô đất trên đều là đất canh tác.

Ngày 8/2/1999, mua ngôi nhà của anh Dương Ngọc Tú và bà Đào Thị Yến địa chỉ 182 đường Bê tông, quận TX, Hà Nội diện tích 75m² với giá 215.000.000 đồng.

Tất cả 02 mảnh đất trên và căn nhà 82 đường Bê tông, TX bà đều ủy quyền cho con gái là bà Nguyễn Thị H mua, vì lý do vợ chồng bà đã già mà bà H là con gái lớn trong gia đình, làm ở cơ quan nhà nước, hiểu biết các thủ tục giấy tờ. Khi đi mua chỉ có con gái bà là bà H đi mua và giao dịch, tiền mua nhà, đất là của bà, ông V không hề đi mua và cũng không hề bỏ ra đồng nào.

Còn nhà đất ở thôn ST, xã Y, huyện Tr, Hà Nội (Nay là phường Y, quận H), bà khẳng định không liên quan gì đến bà H, đất này cũng do bà mua, đứng tên người con khác của bà. Cụ thể đứng tên ai thì bà không có nghĩa vụ phải xuất trình giấy tờ với Tòa án. Mọi thông tin, giấy tờ về nhà đất này, bà không có nghĩa vụ phải khai tại Tòa. Bà yêu cầu Tòa án không được xem xét, định giá toàn bộ nhà đất nói trên của bà.

Ông Nguyễn Quốc Hưng trình bày: Ngày 05/4/1994, ông có mua lại miếng đất ở P, Y thuộc khổ đất số 60 dãy 3, chiều ngang (phía Nam) nằm trên đường quốc lộ P, Y với diện tích 83m² (rộng 6,3m, sâu 13,4m), đông giáp nhà ông Tiếp Hợp, tây giáp nhà ông Oanh, của gia đình ông Quách Văn Mùi với số tiền 80.000.000 đồng (ông Mùi ở tại tổ 9A số 159 phường T, quận C, Hà Nội). Anh đã dựng nhà và cho thuê ở từ năm 2001, vì mảnh đất này đang ở trong diện tích giải phóng mặt bằng để làm đường vành đai 3 nên anh đã kê khai để giải phóng mặt bằng từ năm 2001 với Ban giải phóng mặt bằng. Đến nay vẫn chưa giải phóng mặt bằng xong. Ngôi nhà trên mảnh đất trên vẫn thuộc quyền sở hữu của anh.

Tại Bản án số 43/LHST/2004 ngày 10/11/2004 của Tòa án nhân dân quận A đã giải quyết xong về phần ly hôn và con chung.

Về tài sản:

+ Động sản: Hai bên đã tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án chia nên Tòa án không xét.

+ Bất động sản: Ông Lê Thế V được toàn quyền sở hữu và sử dụng căn nhà 784 Phố Đ đồng thời phải có trách nhiệm thanh toán 1/2 giá trị xây dựng căn nhà trên cho bà Nguyễn Thị H là 81.979.000 đồng. Ông V phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà H được lưu cư tại phòng trong tầng 3 của căn nhà trên trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Thế V được tạm quản lý 1/2 diện tích nhà đất tại 182 K, quận TX, Hà Nội có diện tích mặt bằng là 34,5m² và được nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng tương đương diện tích trên, không được gây cản trở khi giải phóng mặt bằng.

Bà H được tạm quản lý 1/2 diện tích nhà đất tại 182 K, quận TX, Hà Nội có diện tích 34,5 m² và được nhận lại tiền đền bù giải phóng mặt bằng tương đương với diện tích trên, không được cản trở việc giải phóng mặt bằng của nhà nước.

Bác yêu cầu đòi quyền sở hữu sử dụng nhà 182 K, quận TX, Hà Nội của cụ Nguyễn Thị HA.

Giành quyền giải quyết tranh chấp diện tích đất ô số 60 dãy thứ 3 thửa số 257 tờ bản đồ số 12 tại khu giãn dân thôn ST, xã Y, huyện Tr, (Nay là phường Y, quận H) sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu.

Ô đất số 15+16+ 22 tại thôn Q, xã V, huyện Tr, Hà Nội là thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Tr nếu các đương sự có yêu cầu thì gửi đơn đến UBND huyện Tr để được giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà H, ông V, cụ HA kháng cáo.

Tại bản án số 45/LHPT ngày 26/4/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử:

Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của ông Lê Thế V, bà Nguyễn Thị H, cụ Nguyễn Thị HA.

Về nội dung: Sửa Bản án sơ thẩm số 43/LHST ngày 10/11/2004 của Tòa án nhân dân quận A về giá trị xây dựng nhà 784 Phố Đ và án phí. Hủy một phần bản án nói trên về giải quyết tranh chấp đất tại Y, quận H, Hà Nội và quyết định cụ thể:

1. Về tài sản:

- Về động sản: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án chia nên không giải quyết.

- Về bất động sản: Ông Lê Thế V được toàn quyền sở hữu và sử dụng căn nhà 784 Phố Đ.

Xác định giá trị xây dựng nhà 784 Phố Đ là 166.174.190 đồng. Ông V, bà H mỗi người được hưởng 1/2 giá trị xây dựng. Ông V được sở hữu nhà. Ông V phải có trách nhiệm thanh toán trả bà H số tiền 83.087.095 đồng giá trị xây dựng nhà. Ông V phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà H được lưu cư tại phòng trong tầng 3 của căn nhà 784 Phố Đ trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Thế V được tạm quản lý 1/2 diện tích nhà đất tại 182 K quận TX, Hà Nội do ông bà mua, có diện tích mặt bằng là 34,5m² và được nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng tương đương diện tích trên, không được gây cản trở khi giải phóng mặt bằng.

Bà H tạm quản lý 1/2 diện tích nhà đất do ông bà mua tại 182 K quận TX, Hà Nội có diện tích 34,5 m² và được nhận lại tiền đền bù giải phóng mặt bằng tương đương với diện tích trên, không được cản trở việc giải phóng mặt bằng của nhà nước.

Bác yêu cầu đòi quyền sở hữu sử dụng nhà 182 K, quận TX, Hà Nội của cụ Nguyễn Thị HA.

Hủy một phần bản án sơ thẩm về giải quyết tranh chấp đất diện tích 84m² tại ô số 60 dãy thứ 3 thửa số 27 tờ bản đồ số 12 khu giãn dân thôn ST, xã Y, huyện Tr (Nay là phường Y, quận H) giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận A điều tra giải quyết chia tài sản vợ chồng theo trình tự sơ thẩm.

Ô đất 15+16+22 thôn Q, xã V, huyện Tr, Hà Nội do ông V, bà H thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đối với các xã viên Hợp tác xã Vĩnh Quỳnh (do bà H đứng tên) không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nếu có tranh chấp sẽ do UBND huyện Tr giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 05/12/2005, Tòa án nhân dân quận A chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận H giải quyết với lý do tài sản tranh chấp hiện ở quận H, Hà Nội.

Tại bản án số 30/2007/HNGĐ-ST ngày 18/9/2007 của Tòa án nhân dân Quận H đã xử và quyết định:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của ông Lê Thế V đối với bà Nguyễn Thị H.

Bác yêu cầu về quyền sử dụng đất ở ST, Y, H của ông Nguyễn Quốc Hưng, cụ Nguyễn Thị HA.

Xác định thửa đất 257 dãy 3 ST, Y, quận H (đất còn lại không thu hồi) là 34,9m² giá trị 628.200.000 đồng, thửa đất tái định cư N9C khu X2A Y diện tích 44,1m² giá trị 661.500.000 đồng, số tiền mặt đền bù còn lại 77.213.085 đồng (ông Hưng đang quản lý). Tổng cộng: 1.366.913.085 đồng (Một tỷ ba trăm sáu sáu triệu chín trăm mười ba ngàn, không trăm tám mươi năm đồng) là tài sản chung của ông Lê Thế V, bà Nguyễn Thị H. Kỳ phần ông V, bà H được hưởng là: 683.456.542 đồng/người. Chia hiện vật:

- Ông V được quyền sử dụng thửa đất 257 dãy 3 ST, diện tích còn lại là 34,9m² có giá trị 628.200.000 đồng.

- Bà H được quyền sử dụng thửa đất tại khu tái định cư X2A thửa N9C diện tích 44,1m² có giá trị 661.500.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Quốc Hưng phải thanh toán trả cho ông V số tiền 55.256.542 đồng, trả cho bà H số tiền 21.956.542 đồng.

Ông V bà H phải đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông V, bà H, ông Hưng kháng cáo.

Tại bản án số 02/2008/HNGĐ-PT ngày 10/1/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử: Sửa án sơ thẩm số 30/2007/HNGĐ-ST ngày 18/9/2007 của Tòa án nhân dân quận H. Bác yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của ông Lê Thế V đối với bà Nguyễn Thị H.

Xác định diện tích nhà đất tại ô số 60 dãy 3 thửa 257 tờ bản đồ số 12 khu giãn dân ST, phường Y, quận H đang do ông Nguyễn Quốc Hưng quản lý sử dụng chưa đủ căn cứ để xác định là tài sản chung của ông V, bà H.

Bác yêu cầu khác của các đương sự.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 448/2010/DS-GĐT ngày 23/7/2010 của Tòa dân sự, Tòa án nhân dân tối cao xử: Hủy Bản án phúc thẩm số 02/2008/HNGĐ-PT ngày 10/1/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và bản án sơ thẩm số 30/2007/HNGĐ-ST ngày 18/9/2007 của Tòa án nhân dân quận H thành phố Hà Nội đã xét xử vụ kiện ly hôn giữa nguyên đơn ông Lê Thế V với bị đơn bà Nguyễn Thị H. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phần nhận định của Quyết định này thể hiện: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án thì có cơ sở xác định mảnh đất tại Y do anh Học chuyển nhượng cho ông V, bà H trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng ông V bà H. Việc Tòa án nhân dân quận A thụ lý lại với quan hệ tranh chấp là chia tài sản chung sau ly hôn và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận H giải quyết vì cho rằng tài sản tranh chấp nằm tại địa bàn quận H là không đúng quy định pháp luật.

Tại bản án số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân quận A, Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của ông Lê Thế V đối với bà Nguyễn Thị H.

Bác yêu cầu về quyền sử dụng thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, phường Y, quận H của ông Nguyễn Quốc Hưng và cụ Nguyễn Thị HA.

Xác định thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, phường Y, quận H diện tích đất còn lại không thu hồi là 39,9m² giá trị 27.000.000 đồng/m² = 1.077.300.000 đồng, thửa đất tái định cư N9C khu X2A Y diện tích 44,1m² giá trị 40.000.000 đồng = 1.764.000.000 đồng. Tổng cộng 2.841.000.000 đồng.

Chia theo kỹ phần ông V, bà H mỗi người được hưởng 1.420.500.000 đồng.

Chia hiện vật như sau:

- Bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất tại thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, diện tích là 39,9m² có giá trị 1.077.300.000 đồng.

- Ông V được quyền sử dụng thửa đất tại khu tái định cư X2A thửa N9C diện tích 44,1m² có giá trị 1.764.000.000 đồng

Ông V phải thanh toán cho bà H số tiền chênh lệch do vượt quá kỹ phần được chia 343.500.000 đồng.

Số tiền 77.213.085 đồng ông Nguyễn Quốc Hưng đã nhận tại ban quản lý dự án Thăng Long ông Hưng phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho ông V và bà H. Chia theo kỹ phần ông V và bà H mỗi người được hưởng 38.606.542 đồng.

Ông V, bà H phải đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên miễn án phí và quyền kháng cáo của các đương sự. Ngày 09/12/2019, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Đất có tranh

chấp không phải là tài sản chung của ông Lê Thế V và bà Nguyễn Thị H, mà là tài sản của ông Nguyễn Quốc Hưng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khẳng định: Đất không phải của vợ chồng mà của anh Hưng do mẹ bà là bà HA mua cho, thời gian mua trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 15/6/1995. Quan hệ những người liên quan trong vụ án này cụ thể như sau: Bố bà Huyền là em ruột mẹ bà H (Bà HA), ông Hưng là em ruột bà H; bà Huyền có chồng là ông Học sau đó đã ly hôn, còn ông Mùi (Tức Hùng) là cậu ruột bà Huyền. Bà H không có quan hệ họ hàng huyết thống gì với ông Mùi. Ngoài ra, bà H còn khai: Khi mua mảnh đất trên của vợ chồng em Huyền, Học (Là con cậu ruột của bà H) thì bà và ông V đang yêu nhau nên ông V đã một vài lần đi cùng và biết được việc này nên sau này khi ông V và bà ly hôn, ông V cứ đòi hỏi về tài sản. Mặt khác, ông V đã lợi dụng vào sự ly hôn của vợ chồng bà Huyền, ông Học cùng với đó là lời khai của ông Mùi (Cậu ruột bà Huyền là người thích ăn nhậu hay uống bia, rượu) nên khi say đã viết giấy xác nhận cho ông V ngày 01/10/2003.

Ông V cho rằng thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, phường Y, quận H được vợ chồng ông mua của vợ chồng ông Học bà Huyền (Bà Huyền là con cậu ruột bà H) vào tháng 7 năm 1995 với giá là 57 triệu đồng; ông còn đi vay 07 triệu đồng của bạn sửa xe máy đưa cho bà H và một vài lần ông đưa tiền nữa cho bà H để trả, còn cụ thể bà H là người giao dịch trả như thế nào ông không biết; ông cho rằng ông Học là người đo lường có sao nói vậy và lời khai của ông Học và ông Mùi (Tức Hùng) là chính xác. Khi mua đất giãn dân của ông Học ông còn xuống xem, khi đó chỉ là bụi lau bụi cỏ bản thú; khi mua đất xong ông cũng không được quản lý, không được tham gia gì cho đến nay nhưng ông vẫn theo dõi.

Ông Học có lời khai (BL 135 - 136) trong hồ sơ thể hiện, có bán đất cho vợ chồng ông V bà H với giá là 57 triệu đồng và trả tiền làm 3 lần theo thỏa thuận; nhưng thực tế vợ chồng bà H mới trả tiền được 2 lần với tổng số tiền là 35 triệu đồng. Nhưng nay do vợ chồng ông Học bà Huyền ly hôn nên ông Học cũng cho xong và không đòi bà H phải thanh toán số tiền còn thiếu (Cho qua luôn).

Bà Huyền có văn bản (BL 184) thể hiện, bà và ông Học khi còn là vợ chồng đã bán thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, phường Y, quận H cho anh Hưng và nhận đủ tiền.

Ông Hùng có lời khai (BL 167- 168) thể hiện, ông biết vợ chồng chị H anh V mua thửa đất trên của vợ chồng anh Học chị Huyền, vì trước đây anh Học chị Huyền có viết giấy bán cho ông nhưng ông không có tiền trả nên thực tế đất vẫn là của anh

Học chị Huyền. Cùng với đó là giấy xác nhận chuyển nhượng đất mà anh V viết ông ký xác nhận ngày 01/10/2003 (BL 131).

Ông Hưng và cụ HA có lời khai khẳng định là đất là do cụ HA bỏ tiền ra đưa cho chị Hạnh trả tiền cho vợ chồng ông Học bà Huyền để mua cho anh Hưng trước hôn nhân của ông V và bà H. Từ khi mua xong ông Hưng là người xuống đó tiếp quản sử dụng, xây nhà ở và kê khai nộp thuế với xã, huyện; sau này nhà nước lấy một phần để mở rộng đường vành đai 3, thì ông Hưng đã là người nhận tiền đền bù, nhận thừa đất đền bù 44,1m² tại khu tái định cư X2A thửa N9C.

Ngoài ra, ông V còn cho biết thêm trong thời gian hôn nhân bà H thường lén lút lấy trộm tiền của ông và trường hợp mua mảnh đất này là cũng vậy.

Theo biên bản định giá (BL 529 -534) thì thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, diện tích là 39,9m² trên có nhà xưởng của anh Hưng dùng để sửa chữa xe ô tô trị giá là 60.177.978 đồng nhưng không được cấp sơ thẩm xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện VKSND thành phố Hà Nội đã đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông Hưng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về hình thức:** Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H nằm trong thời hạn luật định có nội dung và hình thức phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận xét xử phúc thẩm.

[2] **Về nội dung:** Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung đã được giải quyết ở các bản án có hiệu lực pháp luật trên. Riêng phần tài sản chung liên quan đến thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, phường Y, quận H ban đầu có diện tích 83m², mua của vợ chồng ông Học, bà Huyền và người viết giấy bán là ông Mùi, hiện 02 ông bà đang có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết. Thửa đất trên hiện ông Hưng đang quản lý có diện tích sau khi thu hồi đất làm đường Vành đai 3, còn lại là 39,9m². Khi thu hồi đất của thửa đất trên, Nhà nước đã đền bù số tiền là 77.213.085 đồng và đền bù cho thửa đất tái định cư N9C khu X2A Y có diện tích 44,1m² (Ông Nguyễn

Quốc Hưng là người đi nhận). Sau khi xét xử sơ thẩm đến lần thứ 3 và quyết định như trên; không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị H đã kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo Bản án của bà Nguyễn Thị H thì thấy: Vụ án ly hôn, chia tài sản nay chỉ còn là “Chia tài sản chung” giữa ông Lê Thế V và bà Nguyễn Thị H kéo dài từ năm 2003 đến nay, qua nhiều cấp, nhiều lần xét xử nhưng vẫn chưa thỏa đáng được nguyện vọng của 02 bên. Hai bên luôn có sự tranh giành quyết liệt về tài sản, không ai tỏ rõ sự thiện chí, nhường nhịn và đại lượng hơn ai. Nguyên nhân là do các bên trong việc mua bán quyền sử dụng thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, diện tích 83m² này, ngay từ ban đầu đã không rành mạch về tài sản (Không cụ thể và rõ ràng về giấy tờ cũng như thời gian mua bán tài sản) dẫn đến vụ án bị kéo dài.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, qua các cấp xét xử và kết luận rằng: Thửa đất tại ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, phường Y, quận H ban đầu do anh Đặng Thái Học chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thế V trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của ông V bà H là có căn cứ, phù hợp với nội dung nhận định của Quyết định giám đốc thẩm số 448/2010/DS-GĐT ngày 23/7/2010 của Tòa dân sự, Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để đánh giá toàn bộ vụ án thì Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất: Ở cùng thời điểm mua quyền sử dụng mảnh đất này (Với giá 57 triệu đồng), vợ chồng ông V bà H đã bỏ ra số tiền là 300.000.000 đồng để xây ngôi nhà 03 tầng trên đất của ông V (Đất mặt đường Phố Đ ông V mua trước hôn nhân); khi ly hôn năm 2003 bà H chỉ được chia số tiền trên 83 triệu đồng là giá trị còn lại của nhà (Đã xây) do nhà đất được Tòa giao cho ông V. Như vậy, phần thiệt thòi của tài sản này thuộc về bà H.

Thứ hai: Coi lời khai của ông Học là khách quan, đúng sự thật (Theo quyết định Giám đốc thẩm), thì ông Học mới được nhận 35 triệu đồng trong việc bán quyền sử dụng thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, diện tích là 83m² cho ông V bà H, thì nay ông Học cũng cho qua (Tức là: Ông V bà H đã hoàn thành xong nghĩa vụ trả tiền là 57 triệu đồng cho vợ chồng ông Học bà Huyền).

Thứ ba: Tại phiên tòa ông V thừa nhận, kể từ khi vợ chồng mua mảnh đất đến nay ông không có đóng góp gì cho việc tôn tạo, kê khai, nhận đất đền bù vv...

Thứ tư: Có được 02 thửa đất như hiện tại mà Tòa án xác định là tài sản chung của ông V bà H là có công sức đóng góp, tôn tạo rất nhiều của ông Nguyễn Quốc Hưng (Em trai bà H). Hiện tại trên thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, diện tích là 39,9m² có nhà xưởng của anh Hưng dùng để sửa chữa xe ô tô trị giá là 60.177.978

đồng (Theo biên bản định giá BL 529 -534) nhưng bị Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót; do vậy cần phải phải bổ sung tài sản này để tránh khó khăn cho việc thi hành án sau này.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy tổng giá trị tài sản chung của ông V và bà H là:

$1.077.300.000 \text{ đồng} + 1.764.000.000 \text{ đồng} + 77.213.085 \text{ đồng}$ (Số tiền đền bù mà ông Nguyễn Quốc Hưng đang giữ) = 2.918.213.085 đồng.

Phần tài sản của ông Hưng gắn liền với đất trên có giá trị là: 60.177.978 đồng.

[5] Căn cứ vào toàn bộ vụ án, Hội đồng xét xử thấy cần phân chia tài sản chung như sau:

Chia cho bà H 70%, ông V 30% tổng giá trị tài sản chung. Phần 70% tổng giá trị tài sản chung của bà H được nhận, bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quốc Hưng 15% tổng tài sản công sức đóng góp, tôn tạo. Ông V không phải thanh toán tiền cho ông Hưng.

Giao quyền sử dụng 02 thửa đất trên và quyền sở hữu nhà xưởng nằm trên thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, diện tích là 39,9m² cho bà H.

Bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông V số tiền cụ thể là:

$2.918.213.085 \text{ đồng} \times 30/100 = 875.463.925 \text{ đồng}.$

Bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông Hưng số tiền là:

$2.918.213.085 \text{ đồng} \times 15/100 - 77.213.085 \text{ đồng}$ (Tiền đền bù khi giải phóng mặt bằng ông Hưng lĩnh, đang giữ) + 60.177.978 đồng (Tiền nhà xưởng của ông Hưng đã xây dựng) = 410.696.856 đồng.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thế V là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí, ông Hưng không có yêu cầu độc lập nên không phải nộp án phí tranh chấp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 59, 60 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Xử. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Sửa Bản án số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận A, TP. Hà Nội đã tuyên cụ thể:

1.1. Giao cho bà Nguyễn Thị H quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng 02 thửa đất cụ thể: Thửa đất ô số 60 dãy 3 thửa 257 ST, phường Y, quận H diện tích còn lại không

thu hồi là 39,9m² (Trên đất có nhà xưởng do ông Nguyễn Quốc Hưng xây dựng) và quyền sử dụng thửa đất tái định cư N9C khu X2A Y có diện tích 44,1m².

1.2. Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán ngay cho ông Lê Thế V tiền chênh lệch về tài sản chung là 875.463.925 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng).

1.3. Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán ngay cho ông Nguyễn Quốc Hưng số tiền xây dựng nhà xưởng và tiền công sức đóng góp, tôn tạo là 410.696.856 đồng (Bốn trăm mười triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng).

1.4. Bà H có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký lại nhà đất theo qui định của pháp luật, chi phí cho việc đăng ký bà H tự chịu.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bà H không thanh toán đủ cho ông V và ông Hưng số tiền trên, thì hàng tháng bà H còn phải trả cho ông V và ông Hưng một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước qui định, tương ứng với thời gian chưa thi hành án của khoản tiền chưa thi hành xong.

Trường hợp Bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Thế V được miễn toàn án phí theo quy định của pháp luật.

3. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND quận A;
- Chi cục THADS quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Ngô Tiến Phong